

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26/8/2025

Về "xin ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ấn

2. Ông Lê Thanh An

Thư ký phiên tòa: Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp: Không tham gia.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Minh L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

- Bị đơn: Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Giang (nay là **ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp**).

(anh Võ Minh L xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị Xuân N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng Nguyên đơn anh Võ Minh L trình bày: Anh và chị N quen biết vào năm 2021, do được mai mối, hai bên tìm hiểu nhau khoảng hai tháng thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với gia đình anh L. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, thường hay cãi vã, sau đó chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ đầu năm. Anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay không còn tình cảm, anh yêu cầu ly hôn với chị N.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Quá trình tố tụng Bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng chị N không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Võ Minh L có đơn xin vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị Xuân N vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Việc vắng mặt của chị N không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét về hôn nhân: anh L, chị N kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/02/2018 được Ủy ban xã P (nay là xã T) theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của anh L, Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời trình bày của anh L: Sau khi kết hôn, anh chị sống chung với gia đình anh L. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, thường hay cãi vã, sau đó chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ đầu năm đến nay không liên hệ và không hàn gắn tình cảm.

Đối với chị N, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, điều đó cho thấy, chị không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không thiện chí hàn gắn tình cảm. Như vậy, chị N đã mặc nhiên thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra những mâu thuẫn như anh L trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng; hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của [anh L](#), cho anh được ly hôn với chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có

[7] Về án phí: anh L yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Võ Minh L

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Võ Minh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Xuân N.

2. Về án phí: anh Võ Minh L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010780 ngày 11/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) anh L đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh L, chị N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Phú Đông; tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Đặng Văn Lắm